

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 21-7-/2017

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Triền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.

2. Ông Võ Văn Châu.

- *Thư ký Tòa án:* Bà Mai Thị Bé Đào - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 81/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2017 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q - Sinh năm 1979 - Địa chỉ: ấp 4, xã B, huyện D, tỉnh Long An. (vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng V - Sinh năm 1978 - Địa chỉ: ấp 4, xã B, huyện D, tỉnh Long An. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2017, các văn bản tiếp theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày và yêu cầu: Bà và ông Nguyễn Hoàng V cưới nhau vào tháng 11 năm 2001, sau đó đăng ký lại việc kết hôn vào ngày 17/5/2004 (giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 01/2004) tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện D tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên gây gổ với nhau, lâu dần dẫn đến mất hạnh phúc gia đình. Bà và ông V đã ly thân từ tháng 12/2016 cho đến nay và mối quan hệ vợ chồng chấm dứt.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng V.

Về nuôi con chung: Bà và ông V có 05 con chung: Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 27/11/2002; Nguyễn Thị Bích N1, sinh ngày 30/01/2005; Nguyễn Thị Mỹ A, sinh ngày 18/01/2008 đã trên 7 tuổi sống theo cha hoặc mẹ thì người đó có trách

nhiệm nuôi bên còn lại không phải cấp dưỡng. Riêng Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 14/8/2011 và Nguyễn Quốc K, sinh ngày 15/7/20015 bà Q yêu cầu trực tiếp nuôi không yêu cầu cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng V được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn bà Q, có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Q. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/6/2017, bà Q vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng V, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Q khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Hoàng V có hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại ấp 4, xã B, huyện D, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Ông Nguyễn Hoàng V được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng ông V không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích chính đáng của ông, không có mặt để tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông V không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ, tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa vì ông đã không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông theo quy định pháp luật.

[3] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Hoàng V vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét đơn khởi kiện của bà Q theo khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung: Bà Q và ông V chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11 năm 2001, có đăng ký kết hôn ngày 17/5/2004 (giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyền số 01/2004) tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện D tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân của bà Q và ông V là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo luật Hôn nhân gia đình năm 2000 và năm 2014. Quá trình chung sống không hạnh phúc nên bà Q và ông V sống ly thân với nhau từ tháng 12/2016 đến nay. Bà Q và ông V có 05 con chung và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung, không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Xét việc bà Q yêu cầu ly hôn với ông V. Xét thấy bà Q và ông V có mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ tháng 6/2016 là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, gây gổ thường xuyên dẫn đến mất hạnh phúc gia đình không sống chung với nhau được phải sống ly thân từ tháng 12/2016 cho đến nay và mối quan hệ vợ chồng chấm dứt. Cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Q và ông V đã trầm trọng cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận theo yêu cầu ly hôn của bà Q đối với ông V là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về yêu cầu nuôi con chung: Xét thấy các cháu: Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 27/11/2002; Nguyễn Thị Bích N1, sinh ngày 30/01/2005; Nguyễn Thị Mỹ A, sinh ngày 18/01/2008 tại các bản tự khai có nguyện vọng sống theo mẹ (bà Q) khi cha mẹ ly hôn. Bà Q yêu cầu trực tiếp nuôi Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 14/8/2011 và Nguyễn Quốc K, sinh ngày 15/7/20015. Như vậy, các con chung có nguyện vọng sống theo bà Q và bà Q đồng ý trực tiếp nuôi 05 con chung nên giao 05 con chung cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, bà Q không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[7] Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Nếu sau này phát sinh tranh chấp tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án xét thấy: Bà Q là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Ông V không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Q được ly hôn với ông Nguyễn Hoang V.

2. Về nuôi con chung: Giao các con chung Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 27/11/2002; Nguyễn Thị Bích N1, sinh ngày 30/01/2005; Nguyễn Thị Mỹ A, sinh

ngày 18/01/2008; Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 14/8/2011 và Nguyễn Quốc K, sinh ngày 15/7/20015, cho bà Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Hoàng V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.1 Ông V được quyền tới lui, thăm nom và chăm sóc con chung. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, ông V và bà Q có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Q đã nộp (biên lai thu số 0007884 ngày 16/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Bà Q đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- UBND xã B (để biết)
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Triển